

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2018

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Mậu.

2. Ông Phạm Văn Cầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST - HNGĐ ngày 12-3-2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-4-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T - sinh năm 1983.

ĐKHKT: Thôn Th, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Phùng Thị H - sinh năm 1983.

ĐKHKT: Thôn Th, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Xóm Th1, thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh T; chị H vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phùng Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V vào ngày 30-12-2009, được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới anh chị

sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp; chị H tính tình rất trẻ con, chỉ vì những lý do rất nhỏ cũng hờn dỗi bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Cuối năm 2011 anh T bận đi làm, chị H yêu cầu anh T đưa con đi tiêm phòng nhưng anh T không xin nghỉ được và bố mẹ anh T có nhận đưa cháu đi tiêm, chị H không đồng ý và có xô xát với bố anh T nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Sau khi chị H bỏ về anh T đã nhiều lần đến tìm về nhưng chị H không đồng ý trở về chung sống cùng anh T. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2011 đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân nên không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này được nữa. Vì vậy anh T xin ly hôn với chị H.

2. Về con: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H1; sinh ngày 15-11-2010. Cháu H1 được anh T nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay; khi ly hôn anh T nhận nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

3. Về tài sản, công nợ và nội dung khác liên quan: Anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phùng Thị H: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị H đến làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 27-4-2018, đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ cung cấp như sau: Chị Phùng Thị H là con gái của ông Phùng Đình P và bà Phùng Thị M có hộ khẩu tại: Xóm Th1, thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn hợp pháp với anh T, chị H đã chuyển hộ khẩu về gia đình anh T tại xã C, huyện V. Thời điểm cuối năm 2011 chị H trở về chung sống cùng ông P, bà M tại xã Đ. Hiện nay chị H đang làm công nhân tại Thành phố N, sáng đi làm, tối về nhà bố mẹ đẻ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Phùng Thị H.

- + Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H1; sinh ngày 15-11-2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi Cháu H1 thành niên, có khả năng lao động tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 điều 147 BLTTDS, nghị quyết 326 ngày 30/12/2016; Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Chị Phùng Thị H là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn Th, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định nhưng hiện đang cư trú tại xóm Th1, thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý và giải quyết vụ án trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Thanh T xin ly hôn với chị Phùng Thị H, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự được xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh T trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật và trình bày quan điểm, nguyện vọng của mình tại các văn bản tố tụng.

Đối với chị H không chấp hành các quy định, thủ tục tố tụng và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy hội đồng căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V vào ngày 30-12-2009. Như vậy cuộc hôn nhân của anh T, chị H là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tình trạng hôn nhân: Qua lời khai của đương sự về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do tính tình vợ chồng không hợp và trong cuộc sống chung giữa chị H và bố mẹ anh T có xảy ra va chạm. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống anh T, chị H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, 21 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình của anh T, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh T, chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H1; sinh ngày 15-11-2010, hiện nay Cháu H1 đang sinh sống ổn định cùng anh T. Hội đồng xét thấy anh T có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định vì vậy đảm bảo chăm lo cho cuộc sống của Cháu H1. Như vậy chấp nhận nguyện vọng của anh T giao Cháu H1 cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của Cháu H1 cũng như phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Phùng Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H1; sinh ngày 15-11-2010 (hiện nay đang sinh sống cùng anh T) cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi Cháu H1 thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh T.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số BB/2012/09767 ngày 12-03-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Phùng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã C;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trường Nam